



TS-h2287XU-RP-E2378-64G

CPU	Intel® Xeon® E-2378 8C 16T 2.6GHz, up to 4.8GHz
CPU Architecture	64-bit x86
Graphic Processors	Optional via a PCIe adapter
Floating Point Unit	Có
Encryption Engine	Có (AES-NI)
System Memory	64 GB ECC DDR4 (2 x 32 GB)
Maximum Memory	128GB (4 x 32 GB)
Memory Slot	4 x ECC UDIMM DDR4 For dual-DIMM configuration, you must use a pair of identical DDR4 modules.
Flash Memory	5GB (Dual boot OS protection)
Drive Bay	22 (16 x 3.5-inch SATA + 6 x 2.5-inch SATA)
Drive Compatibility	3.5-inch bays: 3.5-inch SATA hard disk drives 2.5-inch SATA solid state drives 2.5-inch bays: 2.5-inch SATA solid state drives
Hot-swappable	Có (Not supported M.2 SSD)
M.2 Slot	Optional via a QM2 PCIe adapter
SSD Cache Acceleration Support	Có
GPU pass-through	Có
2.5 Gigabit Ethernet Port (2.5G/1G/100M)	2 (2.5G/1G/100M)
10 Gigabit Ethernet Port	2 x 10GBASE-T (10G/5G/2.5G/1G/100M)
25 Gigabit Ethernet Port	Optional via a PCIe adapter
Wake on LAN (WOL)	Có

PCIe Slot	3 (2 x Gen4 x4 + 1 x Gen 4 x8) Card dimensions for PCIe slot 1 : 250 x 111.15 x 23.76 mm / 9.84 x 4.38 x 0.94 inches. Card dimensions for PCIe slot 2 : 250 x 111.15 x 18.76 mm / 9.84 x 4.38 x 0.74 inches. Card dimensions for PCIe slot 3 : 250 x 111.15 x 18.76 mm / 9.84 x 4.38 x 0.74 inches. Wider cards can be installed if the next PCIe slot will not be used.
USB 3.2 Gen 2 (10Gbps) Port	4 x Type-A USB 3.2 Gen 2 5V/1A 10Gbps
HDMI™ Output	Optional via a PCIe adapter
Form Factor	3U Rackmount
LED Indicators	Status (Green/Red) LAN (Green) USB (Blue) HDD status (Green/Red)
Buttons	Power, Reset
Dimensions (HxWxD)	131.3 × 432 × 511.5 mm
Weight (Net)	17.47 kg
Weight (Gross)	21.84 kg
Operating Temperature	0 - 40 °C (32°F - 104°F)
Storage Temperature	-20 - 70°C (-4°F - 158°F)
Relative Humidity	5~95% RH non-condensing, wet bulb: 27°C (80.6°F)
Power Supply Unit	550W (x2) PSU
Power Consumption: Disk Standby Mode	165.39 W
Power Consumption: Operating Mode, Typical	228 W
Fan	3 x 60mm + 1 x 80mm, 12VDC
Standard Warranty	5
Max. Number of Concurrent Connections (CIFS) - with Max. Memory	11000

Lưu ý: Chỉ sử dụng các module bộ nhớ QNAP để duy trì hiệu suất và độ ổn định của hệ thống. Đối với các thiết bị NAS có nhiều hơn một khe cắm bộ nhớ, sử dụng các module QNAP có thông số kỹ thuật giống hệt nhau và tham khảo hướng dẫn sử dụng phần cứng để cài đặt các module bộ nhớ QNAP tương thích.

Cảnh báo: Sử dụng các module không được hỗ trợ có thể làm giảm hiệu suất, gây ra lỗi hoặc ngăn hệ điều hành khởi động.

QNAP có quyền thay thế các bộ phận hoặc phụ kiện nếu bản gốc không còn có sẵn từ nhà sản xuất/nhà cung cấp. Bất kỳ sự thay thế nào cũng sẽ được kiểm tra và xác minh đầy đủ để đáp ứng các hướng dẫn nghiêm ngặt về tính tương thích và độ ổn định và sẽ mang lại hiệu suất tương tự như bản gốc.

Các thuật ngữ HDMI, HDMI High-Definition Multimedia Interface, HDMI trade dress và các logo HDMI là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing Administrator, Inc.

Hình ảnh sản phẩm chỉ mang tính minh họa và có thể khác với sản phẩm thực tế. Do sự khác biệt về màn hình, màu sắc của sản phẩm cũng có thể khác so với những gì được hiển thị trên trang web.
Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.